

Gia đình trung lưu và các yếu tố nguồn lực cho phát triển kinh tế

Nguyễn Xuân Mai

Hội Xã hội học

Tóm tắt: Qua các số liệu điều tra thực tế, bài viết chỉ ra các nguồn lực mà các gia đình trung lưu ở Việt Nam đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế. Đó là: cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, tiền vốn, đóng thuế, tạo việc làm, sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ. Ngoài ra, các gia đình trung lưu còn là các đơn vị tiêu dùng quan trọng, quy định khối lượng cầu tiêu dùng nội địa. Trong số các yếu tố tác động tới vị thế kinh tế của gia đình trung lưu, nổi bật là yếu tố con người, tính năng động, chủ động thích nghi với sự biến đổi của các thành viên gia đình. Trong khi đó, yếu tố về thể chế, chính sách lại có tác động chưa mạnh. Vì vậy, cùng với việc ghi nhận đóng góp của các gia đình trung lưu, cần có các chính sách hỗ trợ nâng cao yếu tố nguồn lực con người và khai thông các yếu tố thể chế để các gia đình trung lưu phát huy vị thế của họ trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay ở nước ta⁽¹⁾.

Từ khóa: Gia đình trung lưu; Các nguồn lực kinh tế; Vai trò kinh tế của gia đình; Nguồn lực con người; Yếu tố thể chế.

Ngày nhận bài: 3/4/2018; ngày chỉnh sửa: 2/5/2018; ngày duyệt

Giới thiệu về khái niệm và nguồn số liệu

Bài viết sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “*Gia đình trung lưu ở Việt Nam với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa*”. Theo nghiên cứu này, gia đình trung lưu (GĐTL) là nhóm các gia đình có mức sống tương đối khá giả, xét theo tiêu chí thu nhập bình quân đầu người hằng tháng (sau đây gọi tắt là *thu nhập*), nằm giữa nhóm gia đình nghèo và gia đình giàu có. Các gia đình thuộc mẫu khảo sát được chia thành 5 nhóm xếp theo mức thu nhập từ thấp đến cao, bao gồm nhóm 1 là các gia đình có thu nhập thấp nhất, nhóm 2, 3 và 4 là các gia đình có thu nhập trung bình, và nhóm 5 là các gia đình có thu nhập cao nhất (giàu có).

Ba nhóm gia đình nằm giữa, tức là các nhóm 2, 3, 4, lập thành nhóm GĐTL1 (vì chỉ xét theo một tiêu chí là thu nhập) có thu nhập dao động từ 2,5 triệu - 10 triệu đồng và chiếm 71% trên mẫu khảo sát. Ngoài tiêu chí về thu nhập như ở nhóm GĐTL1, nhóm GĐTL2 được hình thành khi có thêm tiêu chí chủ hộ/người đại diện hộ gia đình có học vấn THPT trở lên, chiếm 45% trên mẫu khảo sát.

Bài viết này tập trung tìm hiểu những đóng góp của GĐTL cho quá trình phát triển kinh tế, có so sánh giữa 2 nhóm GĐTL1 và GĐTL2, và giữa nhóm GĐTL có thu nhập thấp nhất (nhóm 1) và cao nhất (nhóm 5) trong 5 nhóm thu nhập vừa nêu trên.

1. Những yếu tố nguồn lực của GĐTL trong phát triển kinh tế

Vai trò kinh tế của GĐTL được thể hiện qua những đóng góp về “đầu vào” và “đầu ra” của quá trình sản xuất kinh doanh như: lao động (chất lượng cao, trung bình, giản đơn), tiền vốn đầu tư, tiền đóng thuế, tạo việc làm, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ. Kết quả khảo sát cho thấy hầu như các gia đình được hỏi đều có đóng góp ở những mức độ khác nhau vào sự phát triển kinh tế. Phổ biến nhất ở 50-60% các GĐTL là việc cung cấp lao động các trình độ khác nhau. Tiếp đó, gần một nửa các GĐTL đang trực tiếp sản xuất hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ. Bên cạnh đó là những đóng góp khác như đầu tư vốn, đóng thuế, hay tạo việc làm.

Nhìn chung, đóng góp nổi bật của các GĐTL vào phát triển kinh tế là cung ứng lao động thuộc các trình độ và cung cấp hàng hóa, dịch vụ. GĐTL1 và đặc biệt GĐTL2 nổi trội ở việc cung cấp lao động trình độ cao (LĐTĐC), tương ứng là 46,9% và 63,8% trên toàn mẫu. GĐTL2 với học

Bảng 1. Đóng góp của GĐTL về các nguồn lực phát triển kinh tế (%)

Các nguồn lực đóng góp	Nhóm 1	GĐ TL1	GĐ TL2	Nhóm 5	Chung
Lao động trình độ cao	12,0	46,9	63,8	73,0	40,2
Lao động trình độ trung bình	30,0	34,8	36,7	22,1	33,1
Lao động giản đơn	78,4	45,2	27,6	19,7	51,7
Tiền vốn	2,7	9,1	10,7	34,4	9,0
Đóng thuế	4,7	5,7	5,5	24,8	5,8
Tạo việc làm	0,8	4,6	5,5	29,5	5,1
Sản xuất hàng hóa	22,0	13,4	10,1	11,5	15,4
Cung cấp dịch vụ	27,9	35,6	33,9	46,7	34,4

vấn từ THPT trở lên có tỷ lệ cung ứng LĐTĐC gần với tỷ lệ của nhóm gia đình giàu có (73%) và cao hơn hẳn GĐTL1 (1,4 lần). Các GĐTL có thu nhập cao nhất có tỷ lệ cung cấp LĐTĐC cho nền kinh tế nhiều gấp 4-5 lần so với các GĐTL có thu nhập thấp nhất. Về sản xuất hàng hóa, vốn đầu tư có khoảng trên 10% các GĐTL1 tham gia. Hoạt động đóng thuế và tạo việc làm của các gia đình thuộc nhóm 1 chiếm khoảng 5% số GĐTL. Trong khi đó, các gia đình thuộc nhóm 5 (giàu có) có tỷ lệ đóng góp cao nhất trong hầu hết các yếu tố phát triển kinh tế như: cung cấp LĐTĐC, vốn đầu tư, đóng thuế, tạo việc làm, cung cấp dịch vụ (chỉ ngoại trừ việc cung cấp lao động giản đơn và sản xuất hàng hóa).

Về cơ bản, nhóm GĐTL2 có đóng góp nổi bật về nguồn lực cho phát triển kinh tế, với tỷ lệ lớn các gia đình cung cấp nguồn lao động chất lượng cao. Mặc dù vậy, tỷ lệ này vẫn thấp hơn so với các gia đình Nhóm 5 – nhóm giàu nhất trong 5 nhóm phân tầng theo thu nhập. Tuy nhiên, vai trò đóng góp cho phát triển kinh tế của GĐTL là khác nhau ở nhiều chiều cạnh, như trong các phân tích dưới đây.

1.1. Cung ứng lao động

Như đã nêu trên, các GĐTL (1 và 2) nổi bật về đóng góp lao động chất lượng cao (50-60% các GĐTL) và chỉ đứng sau các gia đình nhóm 5. Lao động trình độ trung bình được cung cấp ở mức thấp hơn (34,8%) và sau đó thì giảm rõ rệt ở các gia đình nhóm 5. Trong khi đó, việc cung ứng lao động giản đơn là thế mạnh của các gia đình nhóm 1. Nhìn chung, các GĐTL càng khá giả thì càng đóng góp nhiều lao động có trình độ cao cho

Bảng 2. Tỷ lệ các phân nhóm GĐTL (1&2) cung ứng LĐTĐC (%)

Ba phân nhóm	TL-dưới (nhóm 2)	TL-giữa (nhóm 3)	TL-trên (nhóm 4)	Chung
GĐTL2	49,3	71,1	80,9	63,8
GĐTL1	34,2	55,5	70,7	46,9

quá trình phát triển kinh tế và ngược lại. Điều này đúng không chỉ giữa các phân nhóm GĐTL (2, 3, 4 và GĐTL1, GĐTL2) mà cũng đúng trong tương quan của cả 5 nhóm theo phân tầng thu nhập của mẫu nghiên cứu. Cụ thể, chênh lệch về tỷ lệ đóng góp lao động trình độ cao của 3 phân nhóm thuộc GĐTL1 và GĐTL2 được thể hiện rõ nét trong bảng 2.

Nhóm GĐTL2 với trình độ học vấn cao hơn có chất lượng đóng góp vào phát triển kinh tế cũng cao hơn nếu xét qua chỉ báo về tỷ lệ cung ứng LĐTĐC so với GĐTL1 (63,8% và 46,9%). Cả 3 phân nhóm GĐTL2 cũng đều có tỷ lệ cung ứng LĐTĐC vượt trội so với 3 phân nhóm GĐTL1 và thậm chí cao hơn tỷ lệ trung bình của Nhóm 5.

Nhóm GĐTL1 chiếm tới 83,1% và GĐTL2 chiếm 71,7 % trong số các gia đình có cung ứng LĐTĐC. Vì vậy, việc tạo điều kiện phát triển các GĐTL, đặc biệt là GĐTL thuộc phân khúc giữa và dưới (cung ứng hai phần ba LĐTĐC), có thể làm gia tăng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ngược lại.

Đáng lưu ý là tỷ lệ các GĐTL có đóng góp nguồn lao động chất lượng cao mới ở mức 50-60% vì trong cấu trúc nghề nghiệp của GĐTL hiện nay, các gia đình thuộc nhóm nghề nghiệp “cũ” (như buôn bán dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, lao động giản đơn, nông dân, công nhân,...) còn chiếm tỷ trọng cao hơn nhóm nghề nghiệp “mới” (72,8% so với 27,2% của GĐTL1 và 58,5% so với 41,2% của GĐTL2).

Tóm lại vai trò quan trọng của các GĐTL chính là cung ứng nguồn lao động, đặc biệt là lao động trình độ cao, với triển vọng ngày càng gia tăng. Phần đóng góp này tăng tỷ lệ thuận với mức độ khá giả (về thu nhập, mức sống) và theo học vấn (GĐTL2 so với GĐTL1). Các GĐTL ở khu vực nội thành và ở hai thành phố lớn nhất cũng có tỷ lệ cung ứng LĐTĐC nhiều hơn.

1.2. Cung cấp vốn đầu tư, đóng thuế, tạo việc làm

Đầu tư cho sản xuất kinh doanh hộ gia đình cũng chính là đầu tư cho quá trình phát triển kinh tế của địa phương và quốc gia. Các GĐTL có thành viên là doanh nhân thường là những đầu tàu trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các GĐTL trực tiếp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo mô hình kinh tế hộ gia đình cũng là nguồn cung ứng vốn đáng kể.

Theo kết quả khảo sát tính trên toàn mẫu, khoảng 9% các gia đình có nguồn vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Còn nếu tính riêng thì GĐTL1 chiếm 72,3% và GĐTL2 chiếm 53,5% trong số các gia đình có loại đóng góp này. Các gia đình càng khá giả càng có nhiều đóng góp về nguồn vốn đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh. Chẳng hạn, xét trên toàn mẫu, nhóm GĐTL1 là 9,7%, nhóm GĐTL2 là 10,1%, và cao nhất 34,4% ở nhóm 5. Không có chênh lệch đáng kể giữa GĐTL1 và GĐTL2 về tỷ lệ này.

Tiền thuế là một nguồn vốn tài chính lớn cho ngân sách và cho phát triển kinh tế. Trong mẫu khảo sát của đề tài, có 5,8% các GĐTL ghi nhận họ có đóng thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Còn với các gia đình của nhóm 5 thì có tới một phần tư các gia đình có đóng thuế. Về tạo việc làm, khoảng 5,1% các GĐTL được khảo sát ghi nhận họ đang góp phần tạo việc làm cho người lao động tại địa phương. Ở các gia đình nhóm 5, tỷ lệ này là 29,5%.

1.3. Sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Về sản xuất hàng hóa, dù chỉ có 15,4% hộ trong toàn mẫu sản xuất hàng hóa, nhưng xét riêng trong các GĐTL thì GĐTL1 có 62,2% và GĐTL2 có 29,7%. Trong đó, phân nhóm GĐTL1-dưới (nhóm 2) chiếm 57%, còn phân nhóm GĐTL1-giữa (nhóm 3) chiếm hơn 30%. Tỷ lệ này ở GĐTL1 khu vực nông thôn là 65,9%.

Về cung ứng dịch vụ, một phần ba (34,4%) số hộ trong mẫu khảo sát có hoạt động kinh tế này. Xét riêng thì 73,6% GĐTL1 và 44,4% GĐTL2 có hoạt động này, bao gồm nhiều loại hình dịch vụ và qui mô hoạt động. Đáng lưu ý là mẫu khảo sát chủ yếu thuộc khu vực nội đô của ba thành phố lớn nên quy mô cung ứng dịch vụ của GĐTL là khá cao.

2. Những nguồn lực đóng góp có ý nghĩa nhất về kinh tế của GĐTL

Mỗi GĐTL có thể đóng góp một số loại nguồn lực (trong số 8 nguồn lực vừa kể trên) vào quá trình phát triển kinh tế. Trong số các nguồn lực đóng góp đó, mỗi gia đình có thể chọn ra một nguồn lực có ý nghĩa nhất đối với phát triển kinh tế của gia đình và của địa phương cũng như của nền kinh tế nói chung.

Nhìn chung, có một phần ba các GĐTL1 và một nửa số GĐTL2 cho rằng đóng góp quan trọng nhất của gia đình họ vào phát triển kinh tế là *cung cấp lao động trình độ cao*. Loại đóng góp lớn thứ 2 là *các dịch vụ* với khoảng 13% các GĐTL (1 và 2) tham gia. Những đóng góp khác như sản xuất hàng hóa, đầu tư vốn, đóng thuế... chỉ có một phần nhỏ gia đình (dưới 5,4%) cho là có ý nghĩa kinh tế.

Cung cấp lao động trình độ trung bình được 18,1% gia đình trong mẫu cho là đóng góp có ý nghĩa kinh tế nhất của gia đình, trong đó GĐTL1 chiếm hai phần ba.

Ngoài những đóng góp có ý nghĩa về kinh tế này của GĐTL, những dự định về nâng cao trình độ chuyên môn của thành viên gia đình cũng mở ra tiềm năng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tính di động xã hội tích cực của họ. Gần một nửa số GĐTL1 có dự định này. Các GĐTL càng khá giả thì càng có nhiều dự định như vậy.

Việc cung cấp dịch vụ được 13,9% số hộ trong mẫu coi là hoạt động có ý nghĩa kinh tế nhất của gia đình, riêng trong GĐTL1 thì tỷ lệ này chiếm tới 76%. Về sản xuất hàng hóa, có 5,4% số hộ được khảo sát coi là có ý nghĩa kinh tế, trong đó GĐTL1 chiếm một phần ba. Những hoạt động đầu tư vốn, đóng thuế, tạo việc làm chỉ có dưới 5% số hộ được hỏi cho là có ý nghĩa kinh tế. Xét về qui mô sản xuất, dịch vụ, có lẽ các gia đình này là những doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ.

Tỷ lệ các GĐTL1 và GĐTL2 coi *cung cấp dịch vụ và sản xuất hàng hóa* là hai loại đóng góp có ý nghĩa kinh tế nhất của gia đình tương ứng là 19,3% và 16,7%. Khoảng 4% các GĐTL (1 và 2) có thêm ba đóng góp khác là *tiền thuế, vốn đầu tư và tạo việc làm*. Tổng cộng khoảng trên 20% các GĐTL có 5 loại đóng góp vừa kể. Lưu ý là trong cơ cấu mẫu nghiên cứu, có 1,6% hộ gia đình là doanh nhân (phần còn lại chủ yếu thuộc vào nhóm giàu có), khoảng 26% các hộ gia đình làm sản xuất tiểu thủ công

ngành, kinh doanh buôn bán. Với tỷ lệ GĐTL trong các nhóm nghề này là khoảng 70% của GĐTL1 và 40% với GĐTL2, thì tỷ lệ 20% các gia đình có 5 đóng góp kể trên có thể tương ứng với tỷ lệ tương tự các GĐTL thuộc 3 nhóm nghề nghiệp vừa nói, và thường gắn với các hoạt động sản xuất kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp nhỏ hoặc quy mô hộ gia đình ở địa phương.

Sự chênh lệch giữa tỷ lệ có “đóng góp kinh tế” (được tính trên tất cả các lao động của hộ gia đình) và tỷ lệ những “đóng góp có ý nghĩa kinh tế nhất” cho thấy đa số các GĐTL (1 và 2) hiện có qui mô và phạm vi hoạt động kinh tế hạn chế về số lượng cũng như về chất lượng. (Như đã chỉ ra, chủ yếu đó là các hoạt động kinh tế hộ gia đình hay thuộc khu vực kinh tế phi chính thức).

Như vậy, đóng góp có ý nghĩa nhất đối với phát triển kinh tế của các GĐTL chính là yếu tố *cung ứng lao động trình độ cao*. Đây cũng là phần đóng góp lớn nhất cho phát triển kinh tế của các GĐTL. Đương nhiên là đóng góp của GĐTL2 với trình độ học vấn cao hơn sẽ mạnh hơn cả về lượng và chất. Đây là xu hướng tất yếu, tích cực về vai trò/vị thế kinh tế của GĐTL mà các chính sách quản lý trong quá trình phát triển kinh tế cần chú ý phát huy.

Hơn thế nữa, gần một nửa GĐTL1 cho biết có dự định đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này mở ra khả năng tăng cường quá

Bảng 3. So sánh đóng góp và đóng góp có ý nghĩa nhất của GĐTL1 và 2 (%)

Các đóng góp vào phát triển kinh tế	GĐTL1 (%)		GĐTL2 (%)	
	Có đóng góp	Có ý nghĩa nhất	Có đóng góp	Có ý nghĩa nhất
Lao động trình độ cao	46,9	37,9	63,8	52,0
Lao động trình độ TB	34,8	17,9	36,7	17,1
Lao động giản đơn	45,2	19,4	27,6	9,3
Tiền vốn	9,2	1,4	10,7	1,6
Đóng thuế	5,7	1,6	5,5	1,5
Tạo việc làm	4,6	1,2	5,5	1,1
Sản xuất hàng hóa	15,4	5,4	10,1	3,6
Cung cấp dịch vụ	34,4	13,9	33,9	13,1
		100,0		100,0

trình di chuyển giữa các phân nhóm GĐTL theo hướng đi lên, đồng thời nâng cao vị thế kinh tế - xã hội của gia đình họ. Các GĐTL càng khá giả thì càng có nhiều dự định như vậy. Chẳng hạn với 3 phân nhóm GĐTL1 (các nhóm thu nhập 2, 3, 4), tỷ lệ các gia đình có dự định lần lượt là 35,9%; 44,5% và 55,6%. Xu hướng này là dễ hiểu vì các GĐTL càng khá giả thì càng có nhiều nguồn lực tốt hơn cho hoạt động mở rộng đầu tư.

Bên cạnh những đóng góp về “đầu vào” cho phát triển kinh tế nêu trên, *GĐTL còn là những đơn vị tiêu dùng quan trọng của nền kinh tế, không chỉ bởi số lượng đông đảo mà còn bởi tiềm lực kinh tế của họ.* Tiêu dùng của các GĐTL là cấu thành chính của cầu nội địa và là một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2017 ước tính đạt gần 130 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Số liệu khảo sát về những dự định đầu tư nâng cấp nhà ở, mua sắm, nâng cấp tiện nghi sinh hoạt như là những kế hoạch chi tiêu của các GĐTL trong 5 năm tới cho thấy vai trò kinh tế quan trọng của họ trong lĩnh vực tiêu dùng. Chẳng hạn trên 60% các GĐTL1 có kế hoạch nâng cấp nhà ở, trong đó 15% chắc chắn thực hiện được. Một tỷ lệ tương tự dự định mua sắm, chuyển đổi tiện nghi đất tiên như ô tô, xe máy. Ngoài ra, một bộ phận các GĐTL còn có những dự định chi tiêu lớn như cho con đi du học tự túc, đi du lịch dài ngày trong nước hay đi du lịch nước ngoài.

3. Những yếu tố nâng cao vị thế kinh tế của GĐTL

Có ba nhóm yếu tố tác động đến tính tích cực kinh tế của GĐTL và nâng cao vị thế kinh tế của họ xếp theo từng mức độ. Nhóm thứ nhất gồm 4 yếu tố của nguồn lực sinh kế hộ gia đình gồm vốn con người, vốn vật chất, thị trường và vốn xã hội có tác động mạnh nhất đến năng lực kinh tế của các gia đình. Trong số đó, năng lực và tinh thần được thể hiện qua *sự năng động, tính tích cực* của các thành viên gia đình. Các yếu tố con người (chiếm hai phần ba số GĐTL 1 và 2 lựa chọn) và điều kiện vật chất tài chính, lao động (trên một nửa GĐTL 1 và 2 lựa chọn) cũng được coi là có tác động mạnh mẽ đến mức sống của GĐTL. Yếu tố con người năng động càng quan trọng khi có tới trên một nửa số GĐTL 1 và 2 khẳng định họ dựng nghiệp từ tay trắng.

Với các GĐTL đây là thế mạnh vì họ không chỉ có điều kiện vật chất

Bảng 4. Những yếu tố làm thay đổi tính tích cực kinh tế của GĐTL (%)

Các yếu tố tác động	Nhóm 1	GĐ TL1	GĐ TL2	Nhóm 5	Chung
Sự năng động, tích cực gia đình (yếu tố con người)	57,8	75,7	75,6	82,3	72,6
Điều kiện vật chất, lao động, tài chính... của gia đình	43,9	56,5	57,0	60,7	54,4
Những cơ hội thị trường và giá	22,4	32,8	33,9	46,7	32,0
Quan hệ xã hội (vốn xã hội)	23,1	34,2	38,1	52,4	33,3
Chính sách kinh tế	23,0	29,9	33,7	27,1	28,4
Chính sách xã hội	19,9	26,6	32,7	22,4	24,9
Truyền thống gia đình	10,1	18,6	20,0	22,4	17,3
Điều kiện tự nhiên	7,1	10,9	8,9	8,5	9,9

tài chính ổn định mà còn có học vấn tốt (như GĐTL2). Những yếu tố này có ảnh hưởng tích cực nhất tới mức sống của gia đình, đồng thời đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế quốc gia, theo phương châm “dân giàu nước mạnh”.

Nhóm thứ hai bao gồm hai yếu tố về thể chế hay các chính sách kinh tế và xã hội có tác động yếu hơn nhóm thứ nhất, phản ánh một tình trạng mâu thuẫn trong môi trường thể chế. Nếu như môi trường thể chế vĩ mô (như đường lối Đổi mới, xây dựng kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, mở cửa hội nhập) đang tạo ra bối cảnh thuận lợi cho các GĐTL phát triển về kinh tế, thì các chính sách cụ thể về kinh tế và xã hội (vi mô) dường như còn nhiều hạn chế, chưa tạo ra cú hích nâng cao hiệu quả năng lực kinh tế của các GĐTL. Vì vậy, đây là một “*khoảng trống chính sách*” cần được khắc phục. Phải làm sao để yếu tố *thể chế chính sách* (kinh tế và xã hội) này có được sức tác động tích cực tới các GĐTL tương đương với các yếu tố con người vừa nêu trên.

Nhóm thứ ba, gồm hai yếu tố: các điều kiện tự nhiên và truyền thống gia đình - có sức tác động thấp nhất. Yếu tố điều kiện tự nhiên có tác động không đáng kể, có thể một phần do hạn chế bởi sự lựa chọn mẫu nghiên cứu tập trung vào khu vực đô thị. Tuy vậy, đây là một yếu tố chứa đựng nhiều thách thức bởi tác động ngày càng gia tăng của tình trạng biến đổi khí hậu ở nước ta hiện nay và trong tương lai.

Yếu tố văn hóa - truyền thống gia đình không có ảnh hưởng mạnh đến sự thay đổi mức sống của các GĐTL. Vì những lý do lịch sử, chúng ta ít có các GĐTL “truyền thống” với vốn liếng vật chất và văn hóa được truyền lại cho thế hệ sau. Hơn một nửa GĐTL dựng nghiệp “từ tay trắng” và chính điều này quy định cấu trúc nghề nghiệp đa dạng của các GĐTL hiện nay, cùng những đặc điểm văn hóa của nó. Những đặc điểm xuất thân của GĐTL và bối cảnh xã hội của những thập niên Đổi mới vừa qua chính là những yếu tố thúc đẩy đề cao vai trò của yếu tố con người, *tính năng động, tích cực và năng lực thích ứng* của họ. Nó khuyến khích tinh thần tự lực, khởi nghiệp của các thành viên và của toàn bộ GĐTL.

Kết luận

Các GĐTL có vai trò kinh tế quan trọng là cung ứng lao động, đặc biệt LĐTĐC, là những đơn vị tiêu dùng và cung cấp dịch vụ và sản xuất hàng hóa cho phát triển kinh tế. Từ lịch sử hơn một nửa các GĐTL đi lên từ tay trắng, họ là những nhân tố mới với tính năng động, tích cực và năng lực thích ứng cao của các thành viên gia đình.

Nhìn chung, trong sự xuất hiện và phát triển của các GĐTL thời gian qua, những yếu tố tác động là *thuận lợi với cơ hội nhiều hơn thách thức*. Qua đó GĐTL đóng góp và tương tác với quá trình phát triển kinh tế địa phương và cả nước. Để thúc đẩy sự gia tăng vai trò kinh tế của GĐTL cần tạo môi trường thể chế thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng nguồn lực con người, thúc đẩy di động xã hội, gia nhập nhóm GĐTL. Về thể chế kinh tế, cần hoàn thiện các chính sách tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn vật chất, tài chính và cơ hội tiếp cận thị trường của các GĐTL, đặc biệt các chính sách kinh tế ở cấp trung và vi mô. Từ đó tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế và xã hội ở địa phương và trong cả nước.

Hơn nữa, những yếu tố tác động đến sự tăng cường vị thế kinh tế của GĐTL không chỉ tác động riêng rẽ và trực tiếp mà còn phụ thuộc vào những điều kiện thời gian và không gian khác nhau. Vì thế các can thiệp chính sách cần tính đến tác động phức hợp của chúng nhằm đồng thời vừa nâng cao vị thế kinh tế của GĐTL vừa thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ “*Gia đình trung lưu ở Việt Nam với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa*” (Mã số KHXX-GĐ/16-19/12). Đề tài thuộc Chương trình “Nghiên cứu đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế” của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tài liệu trích dẫn

- Lê Kim Sa. 2014. *Tầng lớp trung lưu ở Việt Nam: quan điểm tiếp cận, thực tiễn phát triển và các kiến nghị chính sách*. Báo cáo Tổng hợp Đề tài cấp bộ của Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyen Van Thinh, Tran Thuy Duong et al. 2010. *The emerging middle class in Vietnam transitional economy: identification, measurement and consumption behavior respect to economic growth*. http://ueb.vnu.edu.vn/Uploads/file/lethuydzung@gmail.com/2010/09/10/UEB%20-%20middle%20class_gpac2010.pdf.
- Nguyễn Thanh Tuấn. 2007. “Về nhóm xã hội trung lưu ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Cộng sản*, số 2+3 (122+123)/2007.
- Số liệu và Báo cáo chuyên đề của Đề tài cấp bộ: *Gia đình trung lưu ở Việt Nam với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa*, thuộc Chương trình NCKH cấp Bộ “Nghiên cứu đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế”. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. 2016-2018.
- Trịnh Duy Luân. 2017. “Nghiên cứu về tầng lớp trung lưu: từ kinh nghiệm châu Á đến thực tiễn Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2/ 2017.